

9. HUYỆN BÌNH LIÊU

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở

A/ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ - THỊ TRẤN BÌNH LIÊU - ĐÔ THỊ LOẠI V

TT	TÊN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ
1	Đường QL 18 C đoạn từ cổng Huyện đội đến Viện kiểm sát cũ (bám mặt đường)
2	Đường QL 18 C đoạn từ nhà bà Vi Thị An đến hết nhà ông Phan Nam (bám mặt đường)
3	Đường QL 18 C đoạn từ nhà ông Lê Hoan đến đường rẽ vào Trường cấp II, III (bám mặt đường)
4	Dãy nhà xung quanh chợ và dãy ki ốt chợ Thị trấn (từ nhà bà Bùi Thị Vồn đến nhà bà Hoàng Thị Lan; từ nhà ông Tô Xuân Long đến nhà bà Chu Thị Long; từ nhà bà Trần Thị Khang đến tiếp giáp nhà ông Quy Phú) Khu Bình Công 1
5	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Ngọc Ngà đến hết nhà ông Lương Thắng khu Bình Công 2 (bám mặt đường)
6	Từ nhà ông Trịnh Quốc Hưng đến hết nhà bà Hoàng Thị Lan Khu Bình Công 2 (bám mặt đường)
7	Đường khu dân cư từ nhà bà Lê Thị Tám đến hết nhà bà Hoàng Thị Mai (Khải) Khu Bình Công 2 (bám mặt đường)
8	Khu dân cư Bình Quyền từ nhà ông Trần Văn Hai đến hết nhà ông Ngô Kiên (bám mặt đường)
9	Từ nhà ông Hoàng Ngọc Ngò đến hết phòng Tài chính - KH (cũ) Khu Bình Dân (bám mặt đường)
10	Khu dân cư mới đường nội thị Thị trấn Bình Liêu Khu Bình Công 1
11	Từ nhà ông Hoàng Hợp đến hết nhà ông Mạ Nguyên Khu Bình Quyền (bám mặt đường)
12	Từ nhà ông Lý Đức Phong đến cổng Trung tâm Y tế Khu Bình An (bám mặt
13	Từ nhà ông Hoàng Quân đến hết nhà ông Lương Quốc Thắng Khu Bình Công 2 (bám mặt đường)
14	Từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Thế Chương đến cổng Trường tiểu học Khu Bình An (bám mặt đường bê tông)
15	Từ tiếp giáp phòng Tài chính - KH (cũ) đến hết nhà ông Vi Trung Hải Khu Bình Đăng (bám mặt đường)
16	Từ cổng Trung tâm y tế đến Sân bay Khu Bình An (bám mặt đường)
17	Khu dân cư giữa ruộng Khu Bình Đăng
18	Từ nhà ông Trần Tú Nghiệp đến hết nhà ông Phạm Văn Giao Khu Bình Công 1 (bám mặt đường)
19	Từ nhà ông Trần Văn Sấn đến hết nhà ông Nguyễn Chức Khu Bình Công 1 (bám mặt đường)
20	Đoạn đường từ nhà ông Hoàng - Hiếu đến hết nhà ông Trần Đồng Khu Bình Công 1 (bám mặt đường)
21	Từ tiếp giáp nhà ông Trần Đồng đến hết nhà bà Lô Thị Sin (Khu Bình Công 1)
22	Từ ngã ba đường rẽ Trường cấp 2, 3 (sau nhà ông La Tiến Cẩm) đến cổng Trường cấp 2, 3 thị trấn Khu Bình Công 2 (bám mặt đường)
23	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Ngọc Hà đến tập thể khu Lâm trường (cũ) Khu Bình Công 2 (bám mặt đường)
24	Đường QL 18 C đoạn từ ngã ba đường rẽ trường cấp 2, 3 đến Nghĩa trang liệt sỹ huyện Khu Bình Công 2 (bám mặt đường)

TT	TÊN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ
25	Từ nhà ông Sái Tiến Đường đến sau phòng Tài chính - KH (cũ) Khu Bình Dân (bám mặt đường)
26	Đường QL 18 C đoạn từ nhà ông Lục Thọ Quyền đến đầu cầu Pắc Hoóc Khu Bình Quyền (bám mặt đường)
27	Khu dân cư sau KHHGD, Chi cục thuế và Kho bạc huyện Khu Bình An
28	Từ ngã ba đường rẽ Trường đoàn cũ đến hết nhà ông Tô Nam Khu Bình Công 1 (bám mặt đường)
29	Khu dân cư khu vực Ao thanh niên (Khu Bình Công 2)
30	Khu dân cư sau Ban quản lý dự án công trình Khu Bình Quyền
31	Từ tiếp giáp nhà ông Mạ Nguyên đến hết nhà ông Lô Mưu Khu Bình Quyền (bám mặt đường)
32	Khu dân cư từ nhà ông Đặng - Minh đến hết nhà khu tập thể Giáo viên Trường tiểu học thị trấn Khu Bình An (bám mặt đường)
33	Đoạn đường từ nhà ông La Lồng đến hết nhà ông Loan Thanh Nghiệp Khu Bình An (bám mặt đường)
34	Đoạn đường từ nhà ông Lài Cá Nghiệp đến hết nhà ông Nông Mẫn Ký Khu Bình Công 2 (bám mặt đường)
35	Đoạn đường từ nhà ông Hoàng Chiêu đến hết nhà ông Hoàng Đức Thanh Khu Bình Quyền (bám mặt đường)
36	Đoạn đường từ nhà ông Lý Hữu Thực đến hết nhà bà Hà Thị Liên Khu Bình Công 1 (bám mặt đường)
37	Đoạn đường từ nhà ông Ngô Tiến Sinh đến hết nhà cộng đồng Khu Bình Quyền (bám mặt đường)
38	Đoạn đường từ nhà ông Đoàn Vang Lùng đến nhà ông Nông Mẫn Sòi Khu Bình Đăng (bám mặt đường)
39	Đoạn đường từ nhà ông Trần Chất đến tiếp giáp nhà văn hoá Khu Bình Đăng (bám mặt đường)
40	Các hộ dân Khu Bình Quân (Bình Liêu phố, Tài Thòong)
41	Các hộ dân khu vực còn lại

Ghi chú: Việc xác định giá đất đối với thửa đất ở tại đô thị có vị trí góc, thửa đất chên

1. Các thửa đất có vị trí góc bám từ 2 mặt đường trở lên trong đó có ít nhất 2 mặt đường rộng bằng 1,2 lần giá đất (mức giá cao nhất của mặt đường tiếp giáp với thửa đất) theo vị trí quy Trường hợp cao hơn mức giá tối đa của khung Chính phủ cho phép cộng thêm 20% thì tính
2. Các thửa đất có vị trí góc bám từ 2 mặt đường trở lên trong đó chỉ có 01 mặt đường rộng bằng 1,1 lần giá đất (mức giá cao nhất của mặt đường tiếp giáp với thửa đất) theo vị trí quy Trường hợp cao hơn mức giá tối đa của khung Chính phủ cho phép cộng thêm 20% thì tính
3. Đối với thửa đất bám đường có độ chênh cao (hoặc thấp hơn) so với mặt đường (tính từ a - Từ 2m đến dưới 3m giá đất bằng 80% giá đất quy định cùng vị trí, cùng khu vực tại bảng giá này.
b - Từ 3m trở lên giá đất bằng 70% giá đất quy định cùng vị trí, cùng khu vực tại bảng giá này.
Trường hợp giá đất xác định tại điểm a, b nêu ở trên thấp hơn 20% so với mức giá tối thiểu của khung giá đất Chính phủ quy định thì tính bằng mức giá tối thiểu của khung giá đất Chính phủ quy định giảm trừ 20%.

MỨC GIÁ (Đ/M2)
1,800,000
2,200,000
1,800,000
1,500,000
1,800,000
1,500,000
1,500,000
1,200,000
1,300,000
1,800,000
1,200,000
1,100,000
1,500,000
1,000,000
1,000,000
700,000
700,000
700,000
900,000
600,000
300,000
400,000
700,000
400,000

MỨC GIÁ (Đ/M ²)
600,000
700,000
600,000
300,000
400,000
400,000
400,000
600,000
400,000
500,000
600,000
400,000
500,000
500,000
500,000
350,000
250,000

th cốt:

ong từ 3 m trở lên thì giá tính
y định tại bảng giá này.

ì bảng mức giá tối đa khung

g từ 3 m trở lên thì giá tính
y định tại bảng giá này.

ì bảng mức giá tối đa khung

chỉ giới XD trở vào):